|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**TRƯỜNG THPT QUỐC OAI** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I** **MÔN: VẬT LÝ 11****Mã đề: 003***Năm học 2020 - 2021***Thời gian: 45 phút** |

**Họ tên:** …………………………………………………. **Lớp**: …………………………………

*Học sinh ghi đáp án vào bảng sau*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1:** Hiện tượng điện phân **không** ứng dụng để:

**A.** đúc điện. **B.** mạ điện. **C.** sơn tĩnh điện. **D.** luyện nhôm.

**Câu 2 :** Điện phân dung dịch AgNO3 với dòng điện có cường độ I = 5 A. Sau bao lâu thì lượng Ag bám vào catot là 5,4g ?

 **A.** 965 s **B.** 2700 s **C.** 1930 s **D**. 9650 s

**Câu 3:** Dòng điện không đổi là dòng điện có:

 **A**. cường độ không đổi

 **B**. chiều không thay đổi

 **C**. chiều và cường độ không đổi theo thời gian.

 **D**. số hạt mang điện chuyển qua không đổi

**Câu 4:** Xét một nguồn điện có suất đện động E = 10V, điện trở trong r = 2 Ω. Nếu có hiện tượng đoản mạch xảy ra thì cường độ dòng điện qua mạch bằng:

 **A**. 20A **B**. 10A **C**. 12 A **D**. 5A

**Câu 5**: Chọn câu trả lời **ĐÚNG** . Một nguồn điện có suất điện động E = 8V, điện trở trong r = 4Ω được mắc với mạch ngoài gồm điện trở R = 4Ω tạo thành mạch kín. Công suất của mạch ngoài là :

 **A.** PN = 4 W **B.** PN = 3,5 W **C.** PN = 7 W **D.** PN = 3,75 W

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 6:** Cho mạch điện như hình vẽ: Trong đó nguồn điện suất điện động ξ = 6V; r = 2Ω; Đ: 3V – 3W. Điều chỉnh R để đèn sáng bình thường. Giá trị của R là:**A.** 1,5Ω      **B.** 1 Ω **C.** 0,5Ω      **D.** 3Ω | **Đề kiểm tra học kì 1 Vật Lí 11 (Đề 1) (Đáp án và thang điểm chi tiết) | Đề kiểm tra Vật Lí 11 có đáp án**N |
| **Câu 7:** Cho mạch điện như hình vẽ, hai nguồn giống nhau có E = 4 V; r = 2Ω. Mạch ngoài gồm , hiệu điện thế UMN bằng: **A**. 0,8V **B**. -0,8V **C**. -5,6V **D**. 5,6V |  |

**Câu 8:**Hiệu điện thế giữa hai cực của nguồn điện (E, r) tính bởi biểu thức nào sau đây?

**A.** UN = E + I.r. **B.** UN = Ir. **C.** UN =E – I.r. **D.** UN = I(RN + r).

**Câu 9:** Biểu thức tính suất điện động của nguồn điện là

 **A**.  **B**.  **C**.  **D**. 

**Câu 10**: Cường độ dòng điện không đổi chạy qua dây tóc của một bóng đèn là I = 0,273 A. Tính số electron dịch chuyển qua tiết diện thẳng của dây tóc trong một phút.

**A.** 1,02375.1018.      **B.** 1,02375.1020 **C.** 1,02375.1019.      **D.** 1,02375.1021.

**Câu 11:** Một bóng đèn có ghi 12V – 6W, điện trở của bóng đèn này bằng bao nhiêu?

 **A**. 24 **B**. 6 **C**. 12 **D**. 2

**Câu 12:**Trên vỏ một tụ điện có ghi 100µF-150V. Điện tích lớn nhất mà tụ điện tích được là:

**A**. 5.10-4C **B**. 15.10-3C **C**. 5000C **D**. 15C

**Câu 13:** Hiện tượng siêu dẫn là hiện tượng:

**A**. điện trở của vật dẫn giảm xuống giá trị rất nhỏ khi nhiệt độ giảm xuống thấp.

**B**. điện trở của vật giảm xuống rất nhỏ khi nhiệt độ của nó đạt giá trị đủ lớn.

**C**. điện trở của vật giảm xuống bằng không khi nhiệt độ của vật nhỏ hơn một giá trị nhiệt độ nhất định.

**D**. điện trở của vật bằng không khi nhiệt độ bằng 0 (K).

**Câu 14**: Một học sinh làm thí nghiệm đo suất điện động và điện trở trong của một nguồn điện. Học sinh đó lắp mạch điện như sơ đồ bên và tiến hành đo được kết quả trong bảng số liệu. Khi đó học sinh xác định được suất điện động và điện trở trong của nguồn là

R

V

E,r

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lần đo  | Biến trở R (Ω)  | U (V)  |
| Lần đo 1  | 3  | 6  |
| Lần đo 2  | 2  | 5  |

 **A.** E = 12 V; r = 1 Ω

 **B.** E = 8 V; r = 2 Ω

 **C.** E = 10 V; r = 2 Ω

 **D.** E = 6 V; r = 1 Ω

**Câu 15:** Đặt vào hai đầu dây dẫn hiệu điện thế U = 6V thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn bằng 1,5A. Điện năng tiêu thụ trên dây dẫn trong 1 giờ là

 **A**. 48600J **B**. 32400J **C**. 21600J **D**. 194400J

**Câu 16**: Bản chất dòng điện trong chất điện phân là

**A.** dòng các ion âm và dương chuyển động theo hai chiều ngược nhau.

**B.** dòng electron dịch chuyển ngược chiều điện trường.

**C.** dòng ion âm dịch chuyển ngược chiều điện trường.

**D.** dòng ion dương dịch chuyển theo chiều điện trường.

**Câu 17:** Công thức của định luật Jun – Len-xơ là:

 **A**.  **B**.  **C**.  **D**. 

**Câu 18:** Quả cầu nhỏ mang điện tích 2nC đặt trong không khí. Cường độ điện trường tại 1 điểm cách quả cầu 4cm là

**A.** 1250V/m **B.**11250V/m **C.** 5.103V/m **D.**5625V/m

**Câu 19:** Bộ tụ điện gồm ba tụ điện: C1 = 10 (µF), C2 = 15 (µF), C3 = 30 (µF) mắc nối tiếp với nhau. Điện dung của bộ tụ điện là:

**A.** Cb = 5 (µF). **B**. Cb = 10 (µF). **C**. Cb = 15 (µF). **D.** Cb = 55 (µF).

**Câu 20:** Một sợi dây đồng có điện trở R=74Ω ở 20oC, có hệ số nhiệt điện trở α = 4,1.10-3 K-1. Điện trở của sợi dây đó ở 100oC là:

**A**. 98,3Ω              **B.** 89,2Ω **C**. 95Ω              **D**. 82Ω

**Câu 21:** Cho một mạch điện kín gồm nguồn điện có suất điện động và điện trở trong , mạch ngoài gồm biến trở R, biết hiệu suất của nguồn bằng 75%. Công suất của nguồn điện đó bằng

 **A**. 12 W **B**. 36W **C**. 9W **D**. 27W

**Câu 22:** Hai của cầu kim loại giống hệt nhau mang các điện tích lần lượt là q1 và q2, cho chúng tiếp xúc nhau. Sau đó tách chúng ra thì mỗi quả cầu mang điện tích q với:

**A.** q= q1 + q2 **B.** q= q1-q2 **C.** q= **D.** q=

**Câu 23:** Cho hai điện tích q1=1nC, q2=8nC đặt tại hai điểm A,B theo thứ tự trong chân không cách nhau một khoảng AB=60cm. Gọi $\vec{E}$,$ \vec{E\_{1}}$ là vecto cường độ điện trường tổng hợp và cường độ điện trường do q1 gây ra tại C, biết $\vec{E}$=3$\vec{E\_{1}}$. Xác định vị trí C?

**A**. C nằm ngoài đoạn AB , về phía A, CA=60cm

**B**. C nằm ngoài đoạn AB , về phía B, CB=60cm

**C**. C nằm trong đoạn AB , CA=20cm

**D.** C nằm trong đoạn AB , CA=40cm

**Câu 24**: Một bộ nguồn gồm 36 pin giống nhau ghép hỗn hợp thành n hàng (dãy), mỗi hàng gồm m pin ghép nối tiếp, suất điện động mỗi pin E = 12V, điện trở trong r =2Ω. Mạch ngoài có hiệu điện thế U=120V và công suất P =360W. Khi đó m, n bằng

**A.** n = 12; m = 3 **B.** n = 3; m = 12 **C.** n = 4; m = 9 **D.** n = 9; m =4

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 25:** Một điện tích điểm q di chuyển từ điểm M đến N trong điện trường đều như hình vẽ. Khẳng định nào sau đây **đúng**?**A.** Lực điện trường thực hiện công dương. **B.** Lực điện trường thực hiện công âm.**C.** Lực điện trường không thực hiện công. **D.** Không xác định được công của lực điện trường. |  |
| **Câu 26**: Cho mạch điện như hình vẽ, Biết , R2 là một biến trở. Điều chỉnh biến trở R2 để công suất trên nó là lớn nhất, khi đó công suất trên R2 bằng 4 lần công suất trên R1. Điện trở R1 có giá trị nào sau đây?**A.** 6Ω. **B.** 7Ω.**C.** 8Ω. **D.** 9Ω. |  R1R2 |

**Câu 27:** Hai điện tích điểm  = 2.10-9 C ;  = 4.10-9C, đặt cách nhau 3cm trong không khí, lực tương tác giữa chúng có độ lớn:

**A.** 9.10-5 N. **B.** 8.10-5 N. **C.** 9.10-6N. **D.** 8.10-9N.

**Câu 28:** Có 4 nguồn điện giống nhau, mỗi nguồn có suất điện động 2V và điện trở trong  được mắc nối tiếp. Suất điện động và điện trở trong của bộ nguồn là:

 **A**.  **B**.  **C.**  **D**. 

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 29**: Tại một điểm trên trục ox người ta đặt một điện tích Q > 0 trong chân không. Hình vẽ bên là đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ điện trường tại các điểm trên trục ox theo x. M là một điểm trên trục ox có tọa độ x = 6 cm. Cường độ điện trường tại M là:**A.** 3,2.104 V/m. **B.** 2,5.104 V/m. **C.** 4,4.104 V/m. **D.** 10.104 V/m. |  |
| **Câu 30:** Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc giữa khối lượng chất giải phóng ra ở điện cực của bình điện phân và điện lượng tải qua bình. Đương lượng điện hóa của chất điện phân trong bình này là**A.** 11,18.10-6 kg/C  **B.** 1,118.10-6 kg/C **C.** 1,118.10-6 kg.C  **D.** 11,18.10-6 kg.C. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**TRƯỜNG THPT QUỐC OAI** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I** **MÔN: VẬT LÝ 11****Mã đề: 004***Năm học 2020 - 2021***Thời gian: 45 phút** |

**Họ tên:** …………………………………………………. **Lớp**: …………………………………

*Học sinh ghi đáp án vào bảng sau*:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1:**Hiệu điện thế hai cực của nguồn điện (E, r) tính bởi biểu thức nào sau đây?

**A.** UN = E + I.r. **B.** UN = Ir. **C.** UN =E – I.r. **D.** UN = I(RN + r).

**Câu 2:** Biểu thức tính suất điện động của nguồn điện là

 **A**.  **B**.  **C**.  **D**. 

**Câu 3:**Trên vỏ một tụ điện có ghi 100µF-150V. Điện tích lớn nhất mà tụ điện tích được là:

**A**. 5.10-4C **B**. 15.10-3C **C**. 5000C **D**. 15C

**Câu 4**: Một học sinh làm thí nghiệm đo suất điện động và điện trở trong của một nguồn điện. Học sinh đó lắp mạch điện như sơ đồ bên và tiến hành đo được kết quả trong bảng số liệu. Khi đó học sinh xác định được suất điện động và điện trở trong của nguồn là

R

V

E,r

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Lần đo  | Biến trở R (Ω)  | U (V)  |
| Lần đo 1  | 3  | 6  |
| Lần đo 2  | 2  | 5  |

 **A.** E = 12 V; r = 1 Ω

 **B.** E = 8 V; r = 2 Ω

 **C.** E = 10 V; r = 2 Ω

 **D.** E = 6 V; r = 1 Ω

**Câu 5:** Đặt vào hai đầu dây dẫn hiệu điện thế U = 6V thì cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn bằng 1,5A. Điện năng tiêu thụ trên dây dẫn trong 1 giờ là

 **A**. 48600J **B**. 32400J **C**. 21600J **D**. 194400J

**Câu 6**: Bản chất dòng điện trong chất điện phân là

**A.** dòng các ion âm và dương chuyển động theo hai chiều ngược nhau.

**B.** dòng electron dịch chuyển ngược chiều điện trường.

**C.** dòng ion âm dịch chuyển ngược chiều điện trường.

**D.** dòng ion dương dịch chuyển theo chiều điện trường.

**Câu 7:** Công thức của định luật Jun – Len-xơ là:

 **A**.  **B**.  **C**.  **D**. 

**Câu 8:** Quả cầu nhỏ mang điện tích 2nC đặt trong không khí. Cường độ điện trường tại 1 điểm cách quả cầu 4cm là

**A.** 1250V/m **B.**11250V/m **C.** 5.103V/m **D.** 5625V/m

**Câu 9:** Hiện tượng điện phân **không** ứng dụng để:

**A.** đúc điện. **B.** mạ điện. **C.** sơn tĩnh điện. **D.** luyện nhôm.

**Câu 10:** Hiện tượng siêu dẫn là hiện tượng:

**A**. điện trở của vật dẫn giảm xuống giá trị rất nhỏ khi nhiệt độ giảm xuống thấp.

**B**. điện trở của vật giảm xuống rất nhỏ khi nhiệt độ của nó đạt giá trị đủ lớn.

**C**. điện trở của vật giảm xuống bằng không khi nhiệt độ của vật nhỏ hơn một giá trị nhiệt độ nhất định.

**D**. điện trở của vật bằng không khi nhiệt độ bằng 0 (K).

**Câu 11 :** Điện phân dung dịch AgNO3 với dòng điện có cường độ I = 5 A. Sau bao lâu thì lượng Ag bám vào catot là 5,4g ?

 **A.** 965 s **B.** 2700 s **C.** 1930 s **D**. 9650 s

**Câu 12**: Chọn câu trả lời **ĐÚNG** . Một nguồn điện có suất điện động E = 8V, điện trở trong r = 4Ω được mắc với mạch ngoài gồm điện trở R = 4Ω tạo thành mạch kín. Công suất của mạch ngoài là :

 **A.** PN = 4 W **B.**  PN = 3,5 W **C.** PN = 7 W **D.** PN = 3,75 W

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 13:** Cho mạch điện như hình vẽ: Trong đó nguồn điện suất điện động ξ = 6V; r = 2Ω; Đ: 3V – 3W. Điều chỉnh R để đèn sáng bình thường. Giá trị của R là:**A.** 1,5Ω      **B.** 1 Ω **C.** 0,5Ω      **D.** 3Ω | **Đề kiểm tra học kì 1 Vật Lí 11 (Đề 1) (Đáp án và thang điểm chi tiết) | Đề kiểm tra Vật Lí 11 có đáp án**R1R1R1R2R2R2MMMN |
| **Câu 14:** Cho mạch điện như hình vẽ, hai nguồn giống nhau có E = 4 V; r = 2Ω. Mạch ngoài gồm , hiệu điện thế UMN bằng: **A**. 0,8V **B**. -0,8V **C**. -5,6V **D**. 5,6V |  |

**Câu 15:** Cho một mạch điện kín gồm nguồn điện có suất điện động và điện trở trong , mạch ngoài gồm biến trở R, biết hiệu suất của nguồn bằng 75%. Công suất của nguồn điện đó bằng

 **A**. 12 W **B**. 36W **C**. 9W **D**. 27W

**Câu 16:** Dòng điện không đổi là dòng điện có:

 **A**. cường độ không đổi

 **B**. chiều không thay đổi

 **C**. chiều và cường độ không đổi theo thời gian.

 **D**. số hạt mang điện chuyển qua không đổi

**Câu 17:** Xét một nguồn điện có suất đện động E = 10V, điện trở trong r = 2 Ω. Nếu có hiện tượng đoản mạch xảy ra thì cường độ dòng điện qua mạch bằng:

 **A**. 20A **B**. 10A **C**. 12 A  **D**. 5A

**Câu 18:** Hai của cầu kim loại giống hệt nhau mang các điện tích lần lượt là q1 và q2, cho chúng tiếp xúc nhau. Sau đó tách chúng ra thì mỗi quả cầu mang điện tích q với:

**A.** q= q1 + q2 **B.** q= q1-q2 **C.** q= **D.** q=

**Câu 19:** Cho hai điện tích q1=1nC, q2=8nC đặt tại hai điểm A,B theo thứ tự trong chân không cách nhau một khoảng AB=60cm. Gọi $\vec{E}$,$ \vec{E\_{1}}$ là vecto cường độ điện trường tổng hợp và cường độ điện trường do q1 gây ra tại C, biết $\vec{E}$=3$\vec{E\_{1}}$. Xác định vị trí C?

**A**. C nằm ngoài đoạn AB , về phía A, CA=60cm

**B**. C nằm ngoài đoạn AB , về phía B, CB=60cm

**C**. C nằm trong đoạn AB , CA=20cm

**D.** C nằm trong đoạn AB , CA=40cm

**Câu 20**: Một bộ nguồn gồm 36 pin giống nhau ghép hỗn hợp thành n hàng (dãy), mỗi hàng gồm m pin ghép nối tiếp, suất điện động mỗi pin E = 12V, điện trở trong r =2Ω. Mạch ngoài có hiệu điện thế U=120V và công suất P =360W. Khi đó m, n bằng

**A.** n = 12; m = 3 **B.** n = 3; m = 12 **C.** n = 4; m = 9 **D.** n = 9; m =4

**Câu 21:** Bộ tụ điện gồm ba tụ điện: C1 = 10 (µF), C2 = 15 (µF), C3 = 30 (µF) mắc nối tiếp với nhau. Điện dung của bộ tụ điện là:

**A.** Cb = 5 (µF). **B**. Cb = 10 (µF). **C**. Cb = 15 (µF). **D.** Cb = 55 (µF).

**Câu 22:** Một sợi dây đồng có điện trở R=74Ω ở 20oC, có hệ số nhiệt điện trở α = 4,1.10-3 K-1. Điện trở của sợi dây đó ở 100oC là:

**A**. 98,3Ω              **B.** 89,2Ω **C**. 95Ω              **D**. 82Ω

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 23:** Một điện tích điểm q di chuyển từ điểm M đến N trong điện trường đều như hình vẽ. Khẳng định nào sau đây **đúng**?**A.** Lực điện trường thực hiện công dương. **B.** Lực điện trường thực hiện công âm.**C.** Lực điện trường không thực hiện công. **D.** Không xác định được công của lực điện trường. |  |
| **Câu 24**: Cho mạch điện như hình vẽ, Biết , R2 là một biến trở. Điều chỉnh biến trở R2 để công suất trên nó là lớn nhất, khi đó công suất trên R2 bằng 4 lần công suất trên R1. Điện trở R1 có giá trị nào sau đây?**A.** 6Ω. **B.** 7Ω.**C.** 8Ω. **D.** 9Ω. |  R1R2 |

**Câu 25:** Hai điện tích điểm  = 2.10-9 C ;  = 4.10-9C, đặt cách nhau 3cm trong không khí, lực tương tác giữa chúng có độ lớn:

**A.** 9.10-5 N. **B.** 8.10-5 N. **C.** 9.10-6N. **D.** 8.10-9N.

**Câu 26:** Có 4 nguồn điện giống nhau, mỗi nguồn có suất điện động 2V và điện trở trong  được mắc nối tiếp. Suất điện động và điện trở trong của bộ nguồn là:

 **A**.  **B**.  **C**.  **D**. 

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 27**: Tại một điểm trên trục ox người ta đặt một điện tích Q > 0 trong chân không. Hình vẽ bên là đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ điện trường tại các điểm trên trục ox theo x. M là một điểm trên trục ox có tọa độ x = 6 cm. Cường độ điện trường tại M là:**A.** 3,2.104 V/m. **B.** 2,5.104 V/m. **C.** 4,4.104 V/m. **D.** 10.104 V/m. |  |
| **Câu 28:** Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc giữa khối lượng chất giải phóng ra ở điện cực của bình điện phân và điện lượng tải qua bình. Đương lượng điện hóa của chất điện phân trong bình này là**A.** 11,18.10-6 kg/C  **B.** 1,118.10-6 kg/C **C.** 1,118.10-6 kg.C  **D.** 11,18.10-6 kg.C. |  |

**Câu 29**: Cường độ dòng điện không đổi chạy qua dây tóc của một bóng đèn là I = 0,273 A. Tính số electron dịch chuyển qua tiết diện thẳng của dây tóc trong một phút.

**A.** 1,02375.1018.      **B.** 1,02375.1020 **C.** 1,02375.1019.      **D.** 1,02375.1021.

**Câu 30:** Một bóng đèn ghi 12V – 6W, điện trở của bóng đèn này bằng bao nhiêu?

 **A**. 24 **B**. 6 **C**. 12 **D**. 2

**ĐÁP ÁN THI HK I - VẬT LÝ 11 - NĂM HỌC 2020 - 2021**

**MÃ ĐỀ 003:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **C** | **A** | **C** | **D** | **A** | **B** | **B** | **C** | **A** | **B** | **A** | **B** | **C** | **C** | **B** | **A** | **A** | **B** | **A** | **A** | **B** | **C** | **A** | **B** | **C** | **D** | **B** | **B** | **B** | **B** |

**MÃ ĐỀ 004**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** |
| **C** | **A** | **B** | **C** | **B** | **A** | **A** | **B** | **C** | **C** | **A** | **A** | **B** | **B** | **B** | **C** | **D** | **C** | **A** | **B** | **A** | **A** | **C** | **D** | **B** | **B** | **B** | **B** | **B** | **A** |